

VẤN ĐỀ BẢN CHẤT CON NGƯỜI TRONG NHỊ GIÁO TRUNG QUỐC CỔ ĐẠI

NGUYỄN VĂN THỌ (*)

Như chúng ta đã biết, Nho giáo là một trường phái triết học đã đưa ra học thuyết chính trị - đạo đức để giáo hoá con người nhằm củng cố, duy trì trật tự xã hội. Để làm được điều đó, giáo lý của Nho giáo thiên về việc xem xét, lý giải con người ở nhiều khía cạnh khác nhau. Trong đó có sự quan tâm xem xét vấn đề bản chất con người.

Khi xem xét vấn đề này, nhìn chung các nhà tư tưởng của trường phái triết học Nho giáo Trung Quốc cổ đại cũng chỉ mới quan tâm đến "tính người", "tâm người", "lý người", tức là chỉ mới bàn đến phẩm chất tinh thần, ý thức, tâm lý, tư tưởng mà chưa đi sâu vào bản chất đích thực của con người. Mặc dù, mỗi nhà triết học của trường phái Nho giáo xem xét bản chất con người ở mỗi khía cạnh khác nhau (Khổng Tử: Tính tương cận, tập tương viễn; Mạnh Tử: Tính thiện; Tuân Tử: Tính ác), song trong toàn bộ quá trình vận động của lịch sử tư tưởng thì ở họ, vẫn có sự kế thừa, phát triển và làm cho quan niệm về bản chất con người ngày càng trở nên hoàn thiện hơn.

Với Khổng Tử, ông chưa thật sự đi sâu nghiên cứu bản chất con người. Tuy vậy, khi bàn về bản chất con người, Khổng Tử đã cho rằng, bản tính của con người là thiện và nó gần giống nhau ở tất cả mọi người. Ông nói: "Tính tương cận giả; tập tương viễn giả"(1). Nghĩa là, con người khi mới sinh ra đều có cái tính trời phú cho là gần giống nhau, nhưng do quá trình tiếp xúc, học hành mà làm cho họ có sự khác nhau, có kẻ trí, người ngu; phẩm chất của con người là chất phác, chân thực và đó là điều kiện thuận lợi để trau dồi đức nhân và tất cả các đức khác cũng từ đức nhân mà ra. Bản tính của con người là thiện nhưng vì con người quen thói đời, mê vật dục nên mới thấy điều nhân xa mình. Vì vậy, khi con người đã có nhân thì phải luôn giữ lấy điều nhân, đừng bao giờ xa rời nó, dù chỉ trong một khoảnh khắc thời gian.

Vào thời Chiến Quốc, do hoàn cảnh lịch sử có nhiều biến động, nên các nhà tư tưởng của trường phái triết học Nho giáo

(*) Khoa Chính trị học, Phân viện Đà Nẵng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Khổng Tử. *Luận ngữ* (Đoàn Trung Còn dịch). Trí đức tàng thư xuất bản, Sài Gòn, 1950, tr.269.

khi xem xét bản chất con người đã tuyệt đối hoá một mặt trong bản chất con người, hoặc là thiện hoặc là ác. Mặc dù, Mạnh Tử và Tuân Tử là môn đồ của trường phái triết học Nho giáo, nhưng khi bàn về bản chất con người, hai ông đã có sự đối lập nhau, thậm chí nhiều khi còn có sự trái ngược nhau trong quan điểm. Nhưng, dù ở họ có sự tuyệt đối hoá mặt này hay mặt kia, thì vẫn có sự kế thừa, bổ sung và phát triển tư tưởng của Khổng Tử với những góc độ khác nhau và chính ở họ, cũng có sự bổ sung cho nhau khi xem xét bản chất con người.

Khi bàn về bản chất con người, Mạnh Tử cho rằng, bản chất con người là thiện và tính thiện của con người được thể hiện qua bốn đức lớn: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí. Bốn đức lớn đó bắt nguồn từ tứ đoan là: Lòng trắc ẩn (biết thương xót), lòng tu ố (biết thẹn ghét), lòng từ nhượng (biết cung kính) và lòng thị phi (biết phân biệt phải trái). Không có lòng trắc ẩn thì không phải là người, không có lòng từ nhượng không phải là người, không có lòng thị phi không phải là người. Trắc ẩn là đầu mối của nhân, tu ố là đầu mối của nghĩa, từ nhượng là đầu mối của lễ và thị phi là đầu mối của trí. Con người có bốn cái đầu mối ấy như thân thể có sẵn tứ chi. Đây là những đoan mà con người khi sinh ra đã có. Tứ đoan là bốn cái đầu mối của điều thiện nên còn gọi là thiện đoan. Thiện đoan là cái tính cố hữu của con người. Nếu con người biết nuôi dưỡng thiện đoan thì dễ dàng trở thành thánh nhân, còn nếu đánh mất thiện đoan, để nó mai một, suy tàn thì trở nên nhỏ nhen, không khác gì loài cầm thú. Có bốn mối ấy mà tự bảo

không sửa mình được là tự mình hại mình vậy. Đã có bốn mối ấy ở trong mình, mà biết mở rộng ra cho thông, thì như lửa mới bắt đầu cháy, như suối mới bắt đầu chảy(2). Bên cạnh đó, theo Mạnh Tử, bản chất con người là thiện còn vì "tính là cái chung, là cái bản chất của một loài". Ở loài người, nó có nhiều điểm giống nhau, trong đó điểm giống nhau đầu tiên là tài chất, là bản năng thiện do trời phú cho. Sau đó là sự giống nhau ở các quan năng để nhận biết điều tốt, xấu, thị phi... Với tài chất và quan năng ấy, ai cũng sẵn có mầm thiện và đều có thể trở thành thiện. Mạnh Tử nói, phạm những vật đồng loại đều mang một bản tính giống nhau, tại sao đối với con người, người ta lại nghi ngờ rằng bản tính chẳng tương tự? Các bậc thánh nhân và chúng ta đều là một loại, tức là tâm tính giống nhau hết thảy... Thánh nhân là người biết trước được cái tâm của mọi người đồng nhau đấy thôi. Cho nên lý và nghĩa làm cho tâm ta ưa thích cũng như món ăn thịt loại vật làm cho miệng ta ưa thích vậy(3).

Bản chất của con người là thiện còn vì trong mỗi con người đều có cái tâm. Tâm là cái chủ thể trong tinh thần của con người, là cái thần minh trời phú cho con người để hiểu biết, ứng xử với vạn vật, để phân biệt phải trái, tốt, xấu, nhân, nghĩa... biết được những điều này chính là bốn đầu mối của thiện; bốn đầu mối đó vốn sẵn có trong con người không phải do

(2) Xem: Trần Trọng Kim. *Nho giáo*. Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2001, tr.230 - 231.

(3) Xem: *Tứ thư Mạnh Tử*, quyển hạ (Đoàn Trung Còn dịch).Trí đức tông thư xuất bản (in kỳ ba). Sài Gòn, 1950, tr.155 - 159.

bên ngoài nông đục. Theo Mạnh Tử, tâm là cái gốc của tính thiện, tâm với tính là một và tâm là do trời phú nên khi biết cái tính của mình là biết cái tính của trời. Tâm là nơi để phân biệt mọi điều phải trái, tốt xấu nên sự hiểu biết từ tâm sâu sắc hơn sự hiểu biết từ các quan năng. Trong các quan năng thì tai, mắt là những cái không suy nghĩ nên bị sự vật bên ngoài che lấp. Vật tiếp xúc với vật nên dễ bị vật bên ngoài che lấp. Vật tiếp xúc với vật nên dễ bị vật đem đi lạc đường. Tâm là cái suy nghĩ thì hiểu được lẽ phải, hiểu được chính tà. Các cơ quan từ cái nhỏ là tai, mắt, mũi, miệng đến cái lớn là tâm trí đều do trời ban cho con người tất cả. Nếu trước mắt mình đã định đoạt xong cái đại thể, bồi dưỡng tâm trí thì những cái tiểu thể, như tai (mê theo thanh tiếng của vật), mắt (mê theo màu sắc của vật), mũi (mê theo hương vị của vật), tay, chân, mình mẩy theo vật mịn, vật nhẵn... chẳng chiếm đoạt quyền hành lẫn sự sáng suốt của tâm được. Như vậy, theo Mạnh Tử, cái biết phải trái, chính tà, nhân nghĩa để có thiện do tâm đem lại là cái tự mình biết, trời sinh ra làm người đã có cái biết ấy - đó là cái biết tiên thiên, là cái "sinh tri" của con người.

Tuy nhiên, mặc dù cho rằng con người sinh ra sẵn có tính thiện, nhưng theo Mạnh Tử, tính thiện đó không phải là bất biến. Con người có thể đánh mất cái tâm cố hữu của mình, sa vào con đường bất thiện khi có ngoại cảnh xấu tác động. Bản tính của con người giống như bản tính của nước là chảy vào chỗ trũng. Không một người nào khi sinh ra mà tự bất thiện, cũng như không một thứ nước nào sinh ra mà chảy ngược dòng. Song, nếu như bị

đắp đập ngăn bờ thì nước sẽ chảy tràn cả núi; cũng vậy, nếu bị vật dục che lấp thì bản tính vốn lành sẽ ngược chiều ngay. Tuy nhiên, tác động của ngoại cảnh cũng có giới hạn của nó. Khi tâm của con người thật vững vàng thì vật dụng vô hiệu. Chính vì vậy, Mạnh Tử rất chú ý đến vấn đề giáo hoá để làm cho con người không mai một lương tâm.

Như vậy, với Mạnh Tử, bản tính trời phú cho con người là thiện và nếu có thành ra bất thiện là vì con người không biết giữ lấy cái tâm. Bởi ông tin có cái thiên lý chí thiện, mà tính con người là một phần của thiên lý ấy. Và, con người cần phải có sự giáo dục làm cho bản tính thiện đó không bị mờ tối và cần phải trau dồi cho nó phát triển để trở thành một người tốt.

Vào cuối thời Chiến Quốc, Tuân Tử đã tận mắt thấy cảnh tranh giành, xâu xé, chém giết lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp, giữa con người với con người trong xã hội, nên ông chủ trương lý giải bản chất con người bắt đầu bằng tính ác. Theo ông, vì khi mới sinh ra vốn đã có sẵn lòng ham lợi và dục vọng nên để thoả mãn những ham muốn và dục vọng đó, con người phải hành động thuận theo tính tự nhiên của mình. Và, điều đó tất phải dẫn đến sự tranh giành, xâu xé, cướp bóc, chiếm đoạt của nhau. Tuân Tử cho rằng, "tính con người, sinh ra là hiếu lợi, thuận theo tính đó thì thành ra tranh đoạt lẫn nhau mà sự từ nhượng không có; sinh ra là đồ kỵ, thuận theo tính đó thì thành ra tàn tặc, mà lòng trung tín không có; sinh ra có lòng muốn của tai mắt, có lòng thích vẻ thanh sắc, thuận theo tính đó thì thành ra

dâm loạn mà lễ nghĩa, văn lý không có. Như thế thì theo cái tính của người ta, thuận cái tính của người ta, tất sinh ra tranh đoạt, phạm vào cái phận (tức là quyền lợi của nhau), làm loạn cái lý mà phải mắc lỗi tàn bạo. Cho nên phải có thầy, có phép để cải hoá (cái tính) đi, có lễ nghĩa để dẫn dắt nó, rồi sau mới có từ nhượng, hợp văn lý và thành ra trị"(4). Như vậy, với Tuân Tử thì cái tính ban đầu của con người là ác, còn tính thiện là do con người sáng tạo ra.

Tuân Tử cho rằng, cái tính của con người là do hoà khí xung hợp mà thành, tính linh hợp với mọi vật và có sự cảm ứng lẫn nhau. Sự yêu ghét, mừng giận, thương vui của tính gọi là tình. Tình là cái vô cùng, cho nên phải có cái tâm để chọn cái nên và không nên mà làm, gọi là "tư lự". Có tâm tư lự để khiến con người hành động và con người cần phải có sự học tập, rèn luyện thì mới uốn nắn được cái bản tính của mình.

Nếu như Mạnh Tử cho rằng nhân, nghĩa, lễ, trí là bốn cái đầu mối của tính người, thì Tuân Tử bảo không phải là vậy và ông cho rằng, đầu mối của tính người là lòng hiếu lợi, lòng đố kỵ và lòng dục; chính ba cái này khi mới sinh ra đã sẵn có; còn nhân, nghĩa, lễ, trí là do con người đặt ra chứ không phải do trời sinh ra.

Mặc dù Tuân Tử cho rằng, bản tính của con người là ác, nhưng con người có thể tạo ra được tính thiện. Và để tạo ra được tính thiện thì con người phải có thầy, có phép dạy bảo thì mới thành thiện và cũng cần phải có lễ nghĩa để giáo hoá con người. Ông nói: "Đời xưa thánh nhân lấy cái tính của người ta là ác, lấy sự thiên lệch nguy

hiểm mà không chính, bội loạn mà không trị, bởi thế mới khởi xướng lên lễ nghĩa và chế định ra pháp độ để kiêu sức cái tính tình của người ta mà chính lại, để nuôi hoá cái tính tình của người ta mà đạo dẫn, khiến cho theo cái trị, hợp cái đạo. Người ta ai hoá theo thầy, theo phép, tích tập văn học theo lễ nghĩa là người quân tử; buông cái tính tình để yên sự nom dòm mà trái lễ nghĩa là kẻ tiểu nhân. Lấy thế mà xem, thì cái tính ác của con người ta rõ lắm, mà cái thiện là người ta gây ra vậy"(5).

Như vậy, xem xét tư tưởng của các Nho gia Trung Quốc cổ đại, chúng ta thấy có một bước phát triển trong quan niệm về bản chất con người, mặc dù ở họ có sự khác nhau trong những quan niệm đó, tuyệt đối hoá tính thiện hoặc tính ác của con người. Nhưng thực ra, đây là sự bổ sung cho nhau, làm cho quan niệm về bản chất con người của trường phái triết học Nho giáo Trung Quốc cổ đại thêm đa dạng, phong phú, ngày một hoàn thiện hơn. Và, đây cũng là một cống hiến cho kho tàng tri thức nhân loại về vấn đề này của những nhà triết học Nho giáo Trung Quốc cổ đại.□

Tóm tắt: Vấn đề bản chất con người luôn được các Nho gia Trung Quốc cổ đại quan tâm. Song, Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử lại có quan niệm khác nhau về vấn đề này, hoặc đề cao tính thiện hoặc đề cao tính ác, mặc dù đều có chung mục đích là giáo hoá con người nhằm củng cố, duy trì trật tự xã hội.

(4) Dẫn theo: Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê. *Đại cương triết học Trung Quốc*, t.2. Nxb Thanh niên, 2004, tr.86.

(5) Dẫn theo: Trần Trọng Kim. *Nho giáo*. Sđd., tr.306.